| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN HẢI CHÂU**<br>**TP. ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2018/*HNGĐ -ST*

Ngày: 11 - 5 - 2018

"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Thu Ba**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Huỳnh Thanh Trà**
2. Ông **Huỳnh Tiễn**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Trần Thị Linh Phương**– Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng – Số 24 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2017/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 03 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số: 12/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP N** – Trụ sở tại: Số 198 đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo uỷ quyền ông **Phan Bá C** theo văn bản uỷ quyền số 143/GUQ-ĐAN.HCNS ngày 08/2/2018. Có mặt.

* Bị đơn: **Công ty TNHH G** – Trụ sở tại: Số 39 đường Nguyễn Hữu C, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật bà **Tô Thị Kiều H** – Địa chỉ: Số 104B đường T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng – Tạm trú tại: Số 140.22 đường Th, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng – Chức vụ: Giám đốc Công ty. Vắng mặt không lý do.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà **Tô Thị Kiều H** – Sinh năm: 1958 – Địa chỉ: Số 104B đường T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng - Tạm trú tại: Số 140.22 đường Th, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2017, bản khai, trong quá trình hòa giải và tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phan Bá C trình bày:

Vào ngày 04/4/2014 giữa Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ và Công ty TNHH G có ký hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 110/2014/VCB-KHDN để Công ty TNHH G vay số tiền là 460.000.000đ ( Bốn trăm sáu mươi triệu đồng y), mục đích để thanh toán tiền mua 01 chiếc xe ô tô Hilux 3.0G thời hạn cho vay là 60 tháng, lãi suất cho vay theo thông báo của bên cho vay trong từng thời kỳ được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn.

Trên cơ sở hợp đồng tín dụng nói trên ngày 07/4/2014 Công ty TNHH G đã ký giấy nhận nợ số 110/01 để vay số tiền là 460.000.000đ ( Bốn trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất là 11,3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lịch trả nợ gốc định kỳ vào ngày 07 hàng tháng và trả tiền lãi vào ngày 26 hàng tháng.

Để đảm bảo khoản vay trên Công ty TNHH G đã ký hợp đồng thế chấp số 56/2014/VCB – ĐN ngày 04/4/2014 với Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ để thế chấp cho Ngân hàng N – Chi nhánh Đ tài sản là xe ô tô tải biển số 43C – 063.15 nhãn hiệu Toyota loại xe tải pickup cabin kép, màu sơn bạc số khung MR0FZ29G002539543 số máy IKDU488277 năm sản xuất 2014.

Theo hợp đồng thế chấp thì Công ty TNHH G là bên giữ tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nói trên, bên Ngân hàng N – Chi nhánh Đ chỉ giữ giấy tờ tài sản thế chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH G chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền là 158.600.000đ tiền gốc. Từ đó nên nay Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH G phải trả dứt điểm số tiền nợ còn lại nhưng Công ty vẫn không thanh toán. Tính đến ngày 10/5/2018 Công ty TNHH G còn nợ Ngân hàng số tiền là 388.347.277đ ( Ba trăm tám mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi bảy đồng) trong đó tiền gốc là 301.400.000đ và tiền lãi phát sinh là 86.947.277đ gồm tiền lãi trong hạn là 75.691.038đ và tiền lãi quá hạn là 11.256.239đ.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 11/5/2018 cho đến khi Công ty TNHH G thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà các bên đã ký kết theo giấy nhận nợ số 110/01 ngày 07/4/2014.

Trong trường hợp Công ty TNHH G không trả được nợ thì đề nghị phát mãi tài sản đã thế chấp là xe ô tô tải biển số 43C – 063.15 nhãn hiệu Toyota loại xe tải pickup cabin kép, màu sơn bạc số khung MR0FZ29G002539543 số máy IKDU488277 năm sản xuất 2014 để đảm bảo thu hồi vốn.

**Trong bản khai ngày 01/3/2018 bà Tô Thị Kiều H – Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH G trình bày**:

Bà H thừa nhận vào ngày 4/4/2014 giữa Công ty TNHH G và Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ có ký hợp đồng tín dụng 110/2014/VCB-KHDN, đến ngày 7/4/2014 Công ty TNHH G ký giấy nhận nợ số 110/01 để vay số tiền là 460.000.000đ ( Bốn

trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất là 11,3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Đảm bảo khoản vay trên Công ty TNHH G có ký hợp đồng thế chấp số 56/2014/VCB – ĐN ngày 04/4/2014 với Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ để thế chấp cho Ngân hàng N – Chi nhánh Đ tài sản là xe ô tô tải biển số 43C – 063.15 nhãn hiệu Toyota loại xe tải pickup cabin kép, màu sơn bạc số khung MR0FZ29G002539543 số máy IKDU488277 năm sản xuất 2014.

Công ty đã trả được số tiền là 158.600.000đ và hiện còn nợ lại số tiền gốc là 301.400.000đ và tiền lãi phát sinh.

Kể từ năm 2015 cho đến nay Công ty TNHH G đã ngưng hoạt động nên Công ty không có tiền để thanh toán cho Ngân hàng.

Đối với tài sản thế chấp thì hiện nay Công ty không quản lý và không biết ai là người đang quản lý và sử dụng chiếc xe nói trên, nên đề nghị Ngân hàng hỗ trợ tìm kiếm, nếu tìm kiếm được bà đồng ý để Ngân hàng phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ Công ty TNHH G và bà Tô Thị Kiều H là đại diện theo pháp luật của Công ty và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng Công ty TNHH G và bà H vắng mặt không lý do nên Toà án không thể tiến hành hoà giải được cho các bên đương sự.

Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ đối với chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp thì không thể xem xét được vì bà Tô Thị Kiều H cho rằng hiện nay Công ty không quản lý cũng như không biết ai là người đang sử dụng chiếc xe ô tô biển kiểm soát số 43C – 063.15, do vậy Toà án không thể tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được đối với tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng.

Theo văn bản số 43/CV – ĐKKD ngày 29/01/2018 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cung cấp thì tình trạng pháp lý hiện nay của Công ty TNHH G vẫn đang hoạt động.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

**I. Về tố tụng**:

[I.1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, và quyết định hoãn phiên tòa cho Công ty TNHH G và bà Tô Thị Kiều H nhưng Công ty và bà H vắng mặt không lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH G và bà Tô Thị Kiều H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**II. Về nội dung vụ án:**

**A/ Về hình thức hợp đồng**

[1] Hợp đồng tín dụng số 110/2014/VCB-KHDN ngày 4 /4/2014, giấy nhận nợ số 110/01 ngày 7/4/2014 và hợp đồng thế chấp số 56/2014/VCB – ĐN ngày

04/4/2014 giữa Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ và Công ty TNHH G thì thấy hai hợp đồng và giấy nhận nợ nói trên đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 386 Bộ luật dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với các bên đã tham gia ký kết hợp đồng.

**B/ Về nội dung hợp đồng:**

[1] Về hợp đồng tín dụng:

[1.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP N Việt Nam buộc Công ty TNHH G phải thanh toán khoản nợ tính đến ngày 10/5/ 2018 với số tiền là 388.347.277đ ( Ba trăm tám mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi bảy đồng) trong đó tiền gốc là 301.400.000đ và tiền lãi phát sinh là 86.947.277đ gồm tiền lãi trong hạn là 75.691.038đ và tiền lãi quá hạn là 11.256.239đ.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 11/5/2018 cho đến khi Công ty TNHH G thanh toán hết nợ theo giấy nhận nợ số 110/01 ngày 07/4/2014 mà Công ty TNHH G đã ký với Ngân hàng TMCP N.

HĐXX thấy trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn Công ty TNHH G đã liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ cụ thể:

- Đối với tiền gốc: Đến hạn thời thanh toán Công ty TNHH G không trả nợ theo lịch trả nợ gốc vào ngày 07 hàng tháng được quy định trong giấy nhận nợ mà các bên đã ký kết.
- Đối với tiền lãi trong hạn: Phát sinh mỗi tháng và được thanh toán định kỳ vào ngày 26 hàng tháng theo mức lãi suất được quy định cụ thể trong giấy nhận nợ nhưng Công ty TNHH G vẫn không thanh toán.
- Đối với lãi suất quá hạn: Vì Công ty TNHH G không thanh toán tiền gốc đến hạn nên làm phát sinh lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn được quy định trong giấy nhận nợ mà các bên đã ký kết.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần có thông báo và trực tiếp làm việc với Công ty, yêu cầu Công ty thanh toán số nợ trên nhưng Công ty TNHH G vẫn cố tình day dưa không trả nợ tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH G là bà Tô Thị Kiều H cũng thừa nhận hiện còn nợ Ngân hàng số tiền là 301.400.000đ và tiền lãi phát sinh, nhưng vì Công ty hiện nay đã ngưng hoạt động nên Công ty không có nguồn tiền để trả nợ cho Ngân hàng.

Theo văn bản số 43/CV – ĐKKD ngày 29/01/2018 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cung cấp thì tình trạng pháp lý hiện nay của Công ty TNHH G vẫn đang hoạt động.

Do vậy, Ngân hàng không có nghĩa vụ phải chứng minh các tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng đã đưa ra cho yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TNHH G theo quy định Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nên yêu cầu buộc Công ty TNHH G phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền là 388.347.277đ ( Ba trăm tám mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn hai

trăm bảy mươi bảy đồng) trong đó tiền gốc là 301.400.000đ và tiền lãi phát sinh là 86.947.277đ gồm tiền lãi trong hạn là 75.691.038đ và tiền lãi quá hạn là 11.256.239đ được tính đến ngày 10/5/2018 theo hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 110/2014/VCB-KHDN ngày 04/42014 và giấy nhận nợ số 110/01 ngày 7/4/2014 là có cơ sở cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 98 Luật tổ chức tín dụng.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 11/5/2018 cho đến khi Công ty TNHH G thanh toán hết nợ theo giấy nhận nợ số 110/01 ngày 07/4/2014 mà Công ty TNHH G đã ký với Ngân hàng TMCP N.

[2] Về Hợp đồng thế chấp tài sản:

Trong trường hợp Công ty TNHH G không trả được nợ, Ngân hàng TMCP N yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 56/2014/VCB – ĐN ngày 04/4/2014 là xe ô tô tải biển số 43C – 063.15 nhãn hiệu Toyota loại xe tải pickup cabin kép, màu sơn bạc số khung MR0FZ29G002539543 số máy IKDU488277 năm sản xuất 2014 để đảm bảo thu hồi vốn bao gồm tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn HĐXX thấy:

[2.1] Nội dung hợp đồng thế chấp:

- Theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 của hợp đồng thế chấp quy định bên thế chấp là bên giữ tài sản, bên nhận thế chấp là bên giữ giấy tờ tài sản thế chấp đồng thời quy định các trường hợp xử lý tài sản đã thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH G là bà Tô Thị Kiều H cũng thừa nhận đã thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô biển số 43C – 063.15 nhằm đảm bảo khoản vay 460.000.000đ của Công ty. Nhưng nay Công ty không quản lý cũng như không biết ai là người đang sử dụng chiếc xe này, nên đề nghị Ngân hàng hỗ trợ việc tìm kiếm để phát mãi nhằm thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Do vậy HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP N trong trường hợp Công ty TNHH G không trả được nợ sẽ tiến hành xử lý tài sản đã thế chấp là xe ô tô tải biển số 43C – 063.15 nhãn hiệu Toyota loại xe tải pickup cabin kép, màu sơn bạc số khung MR0FZ29G002539543 số máy IKDU488277 năm sản xuất 2014 theo hợp đồng thế chấp số 56/2014/VCB – ĐN ngày 04/4/2014 đứng tên Công ty TNHH G nhằm đảm bảo thu hồi vốn bao gồm tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là có cơ sở phù hợp với các quy định tại các Điều 317, 318,319 và 320 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N nên án phí dân sự sơ thẩm Công ty TNHH G phải chịu theo quy định Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với Công ty TNHH G theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nay là Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc Công ty TNHH G phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền là 388.347.277đ ( Ba trăm tám mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi bảy đồng) trong đó tiền gốc là 301.400.000đ và tiền lãi phát sinh là 86.947.277đ gồm tiền lãi trong hạn là 75.691.038đ và tiền lãi quá hạn là 11.256.239đ được tính đến ngày 10/5/2018 và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 11/5/2018 cho đến khi Công ty TNHH G thanh toán hết khoản nợ.

Trong trường hợp Công ty TNHH G không thanh toán được nợ đề nghị cho phát mãi tài sản đảm bảo là xe ô tô tải biển số 43C – 063.15 nhãn hiệu Toyota đứng tên Công ty TNHH G theo hợp đồng thế chấp số 56/2014/VCB – ĐN ngày 04/4/2014.

Như đã phân tích thì HĐXX chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án.

V*ì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 466, 317, 318, 319 và 320 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật tổ chức tín dụng.
- Căn cứ Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với Công ty TNHH G

Xử:

1/ Buộc Công ty TNHH G phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền là 388.347.277đ ( Ba trăm tám mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi bảy đồng) trong đó tiền gốc là 301.400.000đ và tiền lãi phát sinh được tính đến ngày 10/5/2018 với số là 86.947.277đ gồm tiền lãi trong hạn là 75.691.038đ và tiền lãi quá hạn là 11.256.239đ.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 11/5/2018 cho đến khi Công ty TNHH G thanh toán hết nợ theo giấy nhận nợ số 110/01 ngày 07/4/2014.

Trong trong trường hợp Công ty TNHH G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì sẽ phát mãi tài sản đã thế chấp là xe ô tô tải biển số 43C – 063.15 nhãn hiệu Toyota loại xe tải pickup cabin kép, màu sơn bạc số khung MR0FZ29G002539543 số máy IKDU488277 năm sản xuất 2014 đứng tên Công ty TNHH G.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Công ty TNHH G phải chịu là 19.417.364đ ( Mười chín triệu bốn trăm mười bảy ngàn ba trăm sáu mươi tư đồng y).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí là 9.055.516đ đã nộp theo biên lai thu số 9967 ngày 23/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Án xử sơ thẩm công khai, Ngân hàng TMCP N, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH G và bà Tô Thị Kiều H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được hoặc niêm yết trich sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- *Các đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Lê Thị Thu Ba**